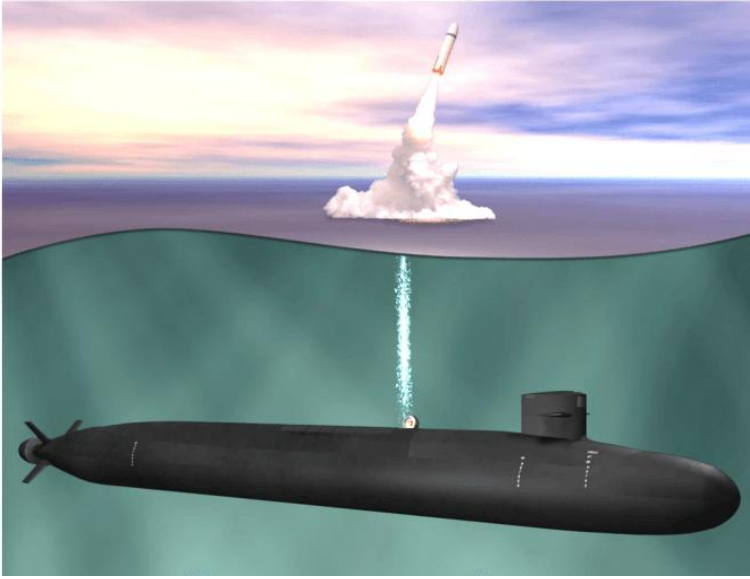


Tiềm Thủy Đỉnh của 4 Quốc Gia



trong vùng Biển Đông Nam Châu Á

CTSQ **Bùi Sơn** (3398).

Trung Cộng đơn phương tuyên bố chủ quyền trên vùng biển của các nước Philippines, Brunei, Malaysia và Việt Nam... là động cơ thúc đẩy để các quốc gia trong vùng hiện đại hóa vũ khí chiến lược. Tiềm thủy đỉnh - vũ khí được đặc biệt ưu chuộng trong việc ngăn chặn và bảo vệ lãnh hải - có những lợi điểm như sau:

1. Bất ngờ.
2. Bí mật.
3. Mãnh liệt, chính xác, và đa năng.
4. Mục tiêu: dưới nước, trên biển và đất liền.

Lịch sử gần đây đã chứng minh, vào năm 1982, trong cuộc tranh chấp vùng đảo Falklands giữa Vương quốc Anh và Argentina: tiềm thủy đình của Anh, chiếc HMS Conquer bất ngờ khai hỏa 2 thủy lôi; tuần dương hạm Argentina.

Chiếc General Belgiano trúng thủy lôi chìm, mang theo hơn 300 thủy thủ đoàn. Sau tổn thất này, toàn thể hạm đội của hải quân Argentina nằm tại bến.

Hiện nay trong vùng Biển Đông Nam Châu Á, đã có 4 quốc gia sử dụng tàu ngầm SSK (Conventional Attack Submarine): Indonesia (2 chiếc, Germany, Type 209-class); Malaysia (2 chiếc, France-Spain, Scorpène-class); Singapore (2 chiếc, Sweden, A-17 Västergötland-class); và CS Việt Nam (4 chiếc, Russia, Kilo-class). Tương lai hai quốc gia còn lại, Phillipines và Thailand, sẽ có tàu ngầm.

Trong bài biên khảo theo đây người viết xin sơ lược về những chiếc tiềm thủy đình của các quốc gia trong vùng Biển Đông Nam Châu Á.

I. Indonesia

Từ năm 1959, để bảo vệ các hải đảo và khu vực kinh tế biển, Indonesia sử dụng 12 chiếc tiềm thủy đình của Liên Xô, Whiskey-class.

Như vậy Indonesia là quốc gia đầu tiên trong khu vực Biển Đông Nam Châu Á có hạm đội tàu ngầm sớm nhất. Qua đến thập niên 1980, Indonesia chuyển hướng đi mới, sử dụng 2 chiếc Type 209-class model 1200, với số hiệu KRI Cakra 401 và KRI Nanggala 402. Hai chiếc này do cơ xưởng Howaldtswerke-Deutsche Werft, Cộng hòa Liên bang Tây Đức hạ thủy trong thời kỳ “Cold War”. Tuy kích thước nhỏ, nhưng lại có tốc độ nhanh để thích hợp với địa dư của mình. Tương lai Indonesia sẽ tăng số tàu ngầm lên 12 chiếc.

Đặc tính của tiềm thủy đình Tây Đức, Type 209-class model 1200.

A. Trang bị:

1. Thủy thủ đoàn gồm 36 người. Khả năng hải hành mỗi chuyến là 50 ngày dưới biển với tầm xa 20.000^{km}.

2. Có 4 động cơ diesel, công suất 5,000-6,100^{shp} (shaft horsepower), tốc độ hải hành 42^{km/hr} (22.5^{knots}, hải lý/giờ) ở độ sâu 500^m. Ngoài ra còn có động lực phụ trợ: 4 electric motors với 120 cell batteries.

3. Sensors.

(a) Radars: surface search.

(b) Sonars: L-3 ELAC Nautik's LOPAS 8300 passive sonar system and Kongsberg MSI-90U MK2 CMS.

B. Hỏa lực: Chủ yếu trang bị với vũ khí tấn công, đặc biệt có thể trang bị hỏa tiễn chống hạm Harpoon do Hoa Kỳ sản xuất.

1. Missiles: UGM-84 “Harpoon” surface-to-surface, hay anti-ship missiles, tầm xa hơn 12.000^{km}.

2. Torpedoes: 14 thủy lôi. Với 8 ống phóng, nòng cỡ 533^{mm} (21^{inch}) và 14 AEG SUT (Surface and Underwater Target).

3. Mines.

II. Malaysia

Từ năm 2009, Hải quân Malaysia sở hữu 2 chiếc Scorpène-class, CM-2000 (conventional diesel-electric version), với số hiệu KD Tunku Abdul Rahman và KD Tun Razak, trong các công tác chống tàu ngầm và tàu nổi. Hai chiếc này do cơ xưởng đóng tàu của Pháp và Spanish hạ thủy vào năm 2007.

Đặc tính của tiềm thủy đình Pháp-Spain, Scorpène-class, CM-2000.

A. Trang bị:

1. Thủy thủ đoàn 32 người. Khả năng hải hành mỗi chuyến là 45 ngày dưới biển với tầm xa là 11.000^{km}. Đặc biệt có hệ thống cấp cứu khẩn cấp qua điểm nổi DSRV (Deep submergence rescue vehicle).

2. Có 2 động cơ diesel, 1.250^{kilowatts}, tốc độ hải hành 38^{km/h} (20^{knots}) ở độ sâu hơn 300^m. Ngoài ra còn có động lực phụ trợ: 1 electronic engine, 2.900^{kilowatts}.

3. Sensors:

(a) Radar: I-band navigation.

(b) Sonars: TSM 2233 Mark 2. Long-range passive cylindrical array, an intercept sonar, active sonar, distributed array, flank array, high-resolution sonar for mine and obstacle avoidance and a towed array.

B. Hỏa lực: Đáng chú ý là khả năng công phá cực kỳ nguy hiểm với hỏa tiễn chống hạm Exocet SM-39 do Pháp sản xuất.

1. Anti-ship missiles: số lượng 18, Exocet SM-39. Tự tìm mục tiêu cách xa 50^{km}, với tốc độ hải hành 482^{km/second}.

2. Torpedoes: số lượng 18. Sáu ống phóng, nòng cỡ 533^{mm} (21^{inch}). Ống phóng có thể khai hỏa F17, Black Shark (heavyweight, wire-guided torpedo), Mark 48 torpedoes hay Exocet missiles.

3. Bên cạnh vũ khí chống tàu nổi và tàu ngầm, trên tàu còn có “sea mines”, số lượng 30.

III. Singapore

Từ năm 2009, hải quân Singapore sử dụng 2 tàu ngầm của Thụy Sĩ, Västergötland-class, có số hiệu RSS Archer và RSS Swordsman, do công ty Kockums AB hạ thủy vào năm 1987 để phục vụ trong Royal Swedish Navy. Đáng chú ý là sau khi mua lại, Singapore đã cải tiến để trang bị động cơ với hệ thống Stirling Mark 3 AIP (Air Independent Propulsion). Động cơ AIP dùng nhiên liệu hỗn hợp: dầu diesel và liquid Oxygen (LOX). Ưu thế tàu ngầm AIP là có khả năng lặn lâu hơn vì không cần khí trời, và có độ ồn thấp. Tuy nhiên, tiềm thủy đình AIP có tốc độ chậm, phạm vi hoạt động gần, và yếu kém về khả năng tấn công hay phòng thủ. Singapore là quốc gia duy nhất trong vùng Đông Nam Châu Á có tàu ngầm AIP, và có dụng cụ cấp cứu dưới biển sâu trong trường hợp tiềm thủy

đỉnh gặp tai nạn. Tương lai Singapore sẽ có thêm 2 chiếc do Đức quốc chế tạo Type 218G.

Đặc tính của tiềm thủy đình Thụy Sĩ, Västergötland-class.

A. Trang bị:

1. Thủy thủ đoàn 28. Hệ thống "airlock" thoát hiểm.
2. Kết cấu 2 động cơ Hedemora diesel-electric. Ngoài ra còn có $2 \times$ Kockums v4-275R Stirling AIP units. Tốc độ hải hành $28^{km/h}$ (15^{knots}), ở độ sâu 150^m .
3. Sensors: CSU 90-2 Intergrated sonar sensor suite.

B. Hỏa lực: Trang bị vũ khí để tiêu diệt các tàu ngầm hay tàu nổi.

1. Surface-to-surface anti-ship missiles.
2. Heavy torpedoes type 613. Light torpedoes type 431/451. Sáu ống phóng, nòng cỡ 533^{mm} (21^{inch}). Ba ống phóng, nòng cỡ 400^{mm} (16^{inch}).

IV. Việt Nam

Gần đây CS Hà nội đã tiếp nhận 4 tàu ngầm do Liên Xô sản xuất, loại Kilo 636-MV (Varshavyanka-class), có khả năng hoạt động cận duyên hay ngoài đại dương trong các công tác săn tìm và tiêu diệt tàu ngầm, tàu nổi, cũng như tấn công những mục tiêu trên mặt đất (???). Những chiếc tàu ngầm này được đóng tại cơ xưởng Admiralty, St Petersburg. Tương lai CS Việt Nam sẽ có tổng cộng 6 chiếc.

Đặc tính của tiềm thủy đình Liên xô loại Kilo 636-MV.

A. Trang bị:

1. Thủy thủ đoàn 52. Khả năng hải hành mỗi chuyến là 45 ngày dưới biển, với tầm xa 11.000^{km} .
2. Kết cấu 2 động cơ diesel-electric, công suất 5.900^{shp} (4.4000^{kw}), tốc độ hải hành $37^{km/giờ}$ ($17-25^{knots}$) ở độ sâu tối đa 300^m .
3. Sonar MGK-400EM cải tiến, có thể theo dõi 12 mục tiêu cùng một lúc.

B. Hỏa lực: Chủ yếu trang bị với vũ khí tấn công trên biển, trên không, hay trên đất liền.

1. Anti-ship cruise missiles: Novator Club-S (SS-N-27), tầm 200-300^{km}.

Phòng không: anti-aircraft missiles, MANPADS Strela-3.

Trên đất liền: attack cruise missiles, 3M-54E1, tầm 300^{km}. Vẫn còn nghi ngờ về trang bị này.

2. Torpedoes: số lượng 18. Có 6 ống phóng ngư lôi ở mũi tàu, nòng cỡ 533^{mm} (21^{inch}).

3. Sea mines: số lượng 24.

Khi phối hợp với nhau, các tàu ngầm trong vùng Biển Đông Nam Châu Á này, sẽ tạo ra một sức mạnh khó lường.

Liệt kê đặc tính tiềm thủy đình của 4 quốc gia trong vùng Biển Đông Nam Châu Á

COUNTRY	TYPE, CLASS, YEAR, DEPLOYED	PROPULSION (shp)	DISPLACEMENT (tons)	DIMENSION (meter)	SPEED (km/hr)	DIVING DEPTH (meter)	CREW	RANGE ENDURANCE
INDONESIA	Type: 209-Class Model: 1200 Year: 1981	Diesel-Electric 5000 shp	1412 tons	Length: 59.5m Beam: 6.2m Draft: 5.4m	42	500m	36	20,000km 50 days
MALAYSIA	Scorpène-Class Model: CM-2000 Year: 2009	Diesel-Electric 4700 shp	1564 tons	Length: 61.7m Beam: 6.2m Draft: 5.4m	37	350m	32	12,000km 45 days
SINGAPORE	Gotland-Class Year: 2009	Diesel-Electric AIP	1500 tons	Length: 60.5m Beam: 6.1m Draft: 5.6m	28	300m	28	Not available
VIỆT NAM	Kilo-Class Year: 2014	Diesel-Electric 5500-6800 shp	3000 tons	Length: 70.0m Beam: 9.9m Draft: 6.5m	37	300m	52	11,000km 45 days

Tham khảo:

1. *Maritime Balance in the South China Sea: Submarines in Southeast Asia*, Felix K. Chang, ASAN Forum on January 16, 2015.

2. *Submarine Procurement in Southeast Asia: Potential for Conflict and Prospects for Cooperation* by LTC Aaron Beng.

3. Website: Wikipedia.org